

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú

Mã ĐVQHNS: 1042466

Mã cấp NS: 2



Người ký: Võ Thị Tịnh Tâm
Ngày ký: 23/10/2023 10:56:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tân Phú - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2023

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
14	074	00000	1.689.723.856	16.083.000.000	0	16.083.000.000	17.772.723.856	4.711.498.119	9.457.930.645	0	0	0	8.314.793.211
12	074	00000	0	23.408.483.000	498.000.000	23.408.483.000	23.408.483.000	8.800.291.444	19.215.248.165	0	0	0	4.193.234.835
Cộng:			1.689.723.856	39.491.483.000	498.000.000	39.491.483.000	41.181.206.856	13.511.789.563	28.673.178.810	0	0	0	12.508.028.046
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 23 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Xuân Nương

Người ký: Võ Thị Tịnh Tâm
Ngày ký: 23/10/2023 10:56:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tân Phú - TP Hồ Chí Minh

Võ Thị Tịnh Tâm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 21 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phan Võ Bảo Yến

Người ký: Phan Võ Bảo Yến
Ngày ký: 18/10/2023 15:27:26
Đơn vị: Trường THPT Trần Phú

Nguyễn Đức Chính

Người ký: Nguyễn Đức Chính
Ngày ký: 21/10/2023 09:42:24
Đơn vị: Trường THPT Trần Phú

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú

Mã ĐVQHNS: 1042466

Mã cấp NS: 2



Người ký: Võ Thị Tịnh Tâm
Ngày ký: 27/10/2023 11:03:50
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tân Phú - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	2.632.830.171	7.863.378.750	2.632.830.171	7.863.378.750
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	30.249.723	92.939.611	30.249.723	92.939.611
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	074	6107	00000	0	0	2.682.000	8.046.000	2.682.000	8.046.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	759.821.686	2.308.388.014	759.821.686	2.308.388.014
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	2.682.000	8.046.000	2.682.000	8.046.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	514.982.082	1.649.955.335	514.982.082	1.649.955.335
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	074	6116	00000	0	0	0	80.460.000	0	80.460.000
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	583.442.555	1.766.781.775	583.442.555	1.766.781.775
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	100.018.723	302.876.876	100.018.723	302.876.876
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	66.679.148	195.441.149	66.679.148	195.441.149
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	33.339.573	100.958.957	33.339.573	100.958.957
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	2.126.959	395.818.035	2.126.959	395.818.035
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	45.697.834	197.508.692	45.697.834	197.508.692
Tiền nước	12	074	6502	00000	0	0	22.448.712	100.838.192	22.448.712	100.838.192
Văn phòng phẩm	12	074	6551	00000	0	0	10.715.200	21.128.900	10.715.200	21.128.900
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	074	6552	00000	0	0	0	5.610.000	0	5.610.000

Vật tư văn phòng khác	12	074	6599	00000	0	0	33.181.239	60.328.944	33.181.239	60.328.944
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	12	074	6601	00000	0	0	296.839	1.063.349	296.839	1.063.349
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	9.162.000	24.536.358	9.162.000	24.536.358
Thuê thiết bị các loại	12	074	6754	00000	0	0	6.466.900	13.237.180	6.466.900	13.237.180
Chi phí thuê mướn khác	12	074	6799	00000	0	0	18.000.000	23.500.000	18.000.000	23.500.000
Nhà cửa	12	074	6907	00000	0	0	26.126.100	26.126.100	26.126.100	26.126.100
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	074	6912	00000	0	0	22.000.000	89.037.948	22.000.000	89.037.948
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	074	6949	00000	0	0	8.677.000	10.577.000	8.677.000	10.577.000
Chi khác	12	074	7049	00000	31.870.000	31.870.000	50.250.000	50.250.000	82.120.000	82.120.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	3.646.620.000	3.646.620.000	3.646.620.000	3.646.620.000
Chi hỗ trợ khác	12	074	8049	00000	0	0	139.925.000	139.925.000	139.925.000	139.925.000
Chi khác	14	074	6449	00000	0	0	4.711.498.119	9.457.930.645	4.711.498.119	9.457.930.645
Cộng:					31.870.000	31.870.000	13.479.919.563	28.641.308.810	13.511.789.563	28.673.178.810
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 27 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Xuân Nương

Người ký: Võ Thị Tinh Tâm

Ngày ký: 27/10/2023 11:03:50

Chức danh: Kế toán trưởng

Đơn vị: KBNN Tân Phú - TP Hồ Chí Minh

Võ Thị Tinh Tâm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 27 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phan Võ Bảo Yến

Người ký: Phan Võ Bảo Yến

Ngày ký: 26/10/2023 10:10:03

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú

Nguyễn Đức Chính